

Số: 230/2024/QĐST- HNGĐ

G, ngày 19 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 190/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị NTH, sinh năm 1985; đăng ký thường trú: Thôn PB, xã QH, huyện QP, tỉnh TB; chỗ ở: Tổ dân phố CK, xã C, huyện G, thành phố H.

Bị đơn: Anh NNL, sinh năm 1984; đăng ký thường trú: Thôn PB, xã QH, huyện QP, tỉnh TB; chỗ ở: Tổ dân phố CK, xã C, huyện G, thành phố H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị NTH, sinh năm 1985 và anh

NNL, sinh năm 1984.

2. Công nhận sự thoả thuận của chị NTH và anh NNL, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Chị H và anh L cùng xác định anh chị có 03 con chung là cháu NHY, sinh ngày 05/10/2007, cháu NTV, sinh ngày 26/3/2012 và cháu NTN, sinh ngày 01/6/2019.

Giao cháu NHY, cháu NTV và cháu NTN cho chị NTH trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi của anh NNL đến khi cháu Y, cháu V, cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị H và anh L không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của chị NTH chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị NTH đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23 số 0004185 ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Hoàn trả chị NTH số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã Quỳnh Nguyên, h.QP, tỉnh TB (GCNKH số 01/2007);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Ngọc